

# TIỀN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC TIẾNG MẸ ĐỂ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở ANH

NGUYỄN THẾ DƯƠNG\*

Ngày nhận bài: 20/02/2017; ngày sửa chữa: 23/02/2017; ngày duyệt đăng: 24/02/2017.

**Abstract:** The paper focuses on investigating the progress of language education policy relating to the teaching and learning English as the first language in British schools. Adopting the textual analysis method as the main methodology, this paper examines four main stages of that progress since 1870. Each stage is featured by notable facets and events. The outcome of the paper indicates that English, as the first language in British schools, has advanced through a variety of obstacles to become a core subject in British curriculum now.

**Keywords:** education policy, Britain, school, first language, language education.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam hiện đang ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế toàn cầu thì việc đổi mới các chính sách và chương trình giáo dục (GD) đã trở thành một nhu cầu cấp thiết. Trong quá trình xây dựng các cơ sở pháp lí và khoa học cho những đổi mới chính sách và chương trình GD, việc nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới là một việc làm có ý nghĩa quan trọng về mặt lí luận và thực tiễn.

Nhằm góp phần giúp cho việc hoạch định chính sách và phát triển chương trình GD tiếng Việt trong nhà trường ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới, bài viết này sẽ giới thiệu tiến trình phát triển chính sách dạy-học tiếng Anh trong nhà trường phổ thông ở Anh - một đất nước có truyền thống GD lâu đời và được đánh giá là có chương trình GD tiếng mẹ đẻ hiệu quả. Việc phân tích quá trình hình thành và những thay đổi trong chính sách cũng như chương trình GD tiếng Anh sẽ là những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, nhất là khi Bộ GD-ĐT đang tiến hành các bước chuẩn bị để xây dựng chương trình và bộ sách giáo khoa mới.

Bài viết này chia tách tiến trình phát triển của chính sách dạy học tiếng mẹ đẻ trong các trường phổ thông ở Anh thành 4 giai đoạn, tính từ năm 1870 cho đến ngày nay. Mỗi giai đoạn gắn liền với những sự kiện và dấu mốc tiêu biểu, phản ánh những đổi mới trong nhận thức cũng như thực tiễn xây dựng chính sách và chương trình GD tiếng mẹ đẻ của Anh. Bằng phương pháp phân tích văn bản đối với hệ thống các Luật GD, Luật cải cách GD; Chương trình khung GD, các thông tư, hướng dẫn..., bài viết đưa ra một bức tranh toàn thể về tiến trình phát triển của chính sách GD tiếng mẹ đẻ tại các trường phổ thông ở Anh.

## 2. Các giai đoạn phát triển của chính sách GD tiếng mẹ đẻ tại các trường phổ thông Anh

**2.1. Giai đoạn “tìm đường” (1870 - 1900).** Mặc dù luôn được chấp nhận là ngôn ngữ thứ nhất tại Anh từ thế kỉ thứ XIV, nhưng trên thực tế, tiếng Anh không giữ một vai trò quan trọng so với tiếng Latinh, Hi Lạp hay tiếng Pháp trong mọi lĩnh vực của đời sống. Cho đến tận giữa thế kỉ XIX, trong xã hội có phân biệt đẳng cấp, GD hầu như chỉ tiếp cận với tầng lớp thượng lưu và trung lưu và dựa hoàn toàn vào các ngôn ngữ kinh điển, như tiếng Hi Lạp hay tiếng Latin. Ngược lại, tiếng Anh không được nhìn nhận như là một môn học trong các nhà trường.

Một bước tiến quan trọng đối với nền GD của Anh diễn ra vào năm 1870 với sự ra đời của Luật GD đầu tiên, còn gọi là *Luật Forster*, dựa theo tên của nghị sĩ đã soạn thảo. Bộ luật này ra đời ngay sau khi quyền bầu cử của những người thuộc tầng lớp lao động được chấp nhận và nhu cầu biết đọc và viết để tham gia bầu cử trở nên bức thiết. Với luật này, nền GD quốc lập được hình thành: tiểu học trở thành một điều bắt buộc và miễn phí đối với toàn bộ trẻ em từ 5-12 tuổi. Lần đầu tiên, con em các gia đình công nhân được học trong các trường của nhà nước thay vì trong những cơ sở tình nguyện trong nhà thờ, nhà máy như trước kia...

Bộ luật này không hề nhắc đến tiếng Anh với tư cách là một môn học. Thay vào đó là những chỉ dẫn dành cho việc học ngữ pháp tiếng Latinh và tiếng Hi Lạp. Tuy nhiên, nó được xem là một nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển của tiếng Anh với tư cách là một học riêng biệt khi nó tạo điều kiện cho sự

\* Viện Ngôn ngữ học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

phát triển của một hệ thống các trường học. Sau đó 2 năm, *Luật sửa đổi* (1872), đã đề ra một bộ chuẩn GD gồm 6 tiêu chí trong ba môn là *Viết, Đọc và Đại số* nhằm xem xét việc tốt nghiệp tiểu học vượt cấp cho HS ở độ tuổi 10 khi các em vượt qua được chuẩn này. Đây là sự cụ thể hóa ý tưởng về một nền GD giá rẻ và căn bản, tập trung vào những nguyên lý cơ bản của ba môn cơ bản gồm đọc, viết và đại số. Như vậy, ngay từ buổi sơ khai của nền GD công, Đọc và Viết đã trở thành tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá học sinh (HS) mặc dù học viết thực chất chỉ là chép lại hay viết chính tả, còn đọc thì phần lớn vẫn được lấy từ cuốn Kinh thánh (Báo cáo của DES: 1967). Tính chất kinh viện, công thức của nền GD thời kì này không thể làm mờ một thành tựu là “tỉ lệ biết chữ tăng lên rất vững chắc” (Wyse & Jones, 2008: 8).

Poulson (1998) đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của bản báo cáo của thanh tra Bộ GD Matthew Amord in năm 1869. Trong báo cáo này, Amord cho rằng việc đọc thơ trên lớp sẽ giúp cho việc hình thành sự cảm nhận và đánh giá trong HS. Chính việc khuyến khích với văn học và ngữ pháp tiếng Anh của Amord đã góp phần vào việc môn này trở thành một môn học riêng rẽ trong các lớp trên của tiểu học. Đến năm 1882, nó trở thành một môn bắt buộc trên lớp. Do vậy, có thể nói rằng môn tiếng Anh với tư cách một môn học đã mạnh mẽ được thiết lập từ nửa cuối thế kỉ XIX.

Theo Tulasiewicz & Adams (2005: 74), vào năm 1900, chương trình học của Bộ GD cho mỗi nhóm tuổi “đã tách ba môn: Đọc, Viết và Tiếng Anh thành các môn học riêng rẽ”. Học tiếng Anh thời bấy giờ chỉ đơn giản là thu nhận một số các kiến thức về ngữ pháp. Chương trình GD thời đó bị xé lẻ và hướng vào việc học thuộc lòng, đánh vần và tập viết...

**2.2. Giai đoạn “gây dựng” (1900 - 1944).** Năm 1902, nước Anh một lần nữa thông qua Luật GD mới. Tuy nhiên, bộ luật này chỉ tập trung vào việc tổ chức các trường phổ thông, chứ không đề cập đến chương trình học. Như vậy, vẫn chưa có một sự thừa nhận mang tính chính sách nào về vai trò của tiếng Anh như là một môn học. Song có thể thấy rằng những thập niên đầu của thế kỉ XX đã chứng kiến bước tiến mạnh mẽ và vững chắc của tiếng Anh trong cả trường phổ thông lẫn đại học thông qua các văn bản của Bộ GD. Năm 1904, Bộ GD Anh ban hành quy định các môn học trong các trường cấp hai công lập, trong đó, đưa Tiếng Anh và Văn học vào giảng dạy. Đây là cột mốc đầu tiên đánh dấu sự xuất hiện và tiếp tục duy trì cho đến tận hiện nay.

Để nâng cao vai trò và ảnh hưởng của tiếng Anh trong nhà trường, Hiệp hội tiếng Anh (English Association) được thành lập năm 1906 để ra chủ

trương nhập các phân môn ngữ pháp, viết luận và văn học thành một môn riêng biệt. Chính tổ chức này đã tư vấn để Bộ GD ban hành một thông tư trong đó thừa nhận vai trò quan trọng của tiếng Anh trong GD, đồng thời khẳng định trong việc học tiếng Anh, ngữ pháp không phải chỉ dừng lại ở việc phân tích cấu trúc cú pháp của câu mà môi trường lí tưởng cho chúng là khi được đặt trong mối quan hệ với văn học và trong sự kết nối với việc phát triển các kĩ năng viết luận.

Sau khi Đại chiến thế giới thứ nhất kết thúc, năm 1916, Thủ tướng Anh H.H.Asquith đã thành lập một Ủy ban Tái thiết với mục đích điều tra vai trò các môn học trong trường cấp hai thời hậu chiến, nhằm đưa ra các chính sách phù hợp. Đặc biệt, Chính phủ Anh tập trung vào hai mảng quan trọng là vai trò của các ngôn ngữ hiện đại và vị thế của tiếng Anh. Trong số các báo cáo trình Thủ tướng khi đó, ấn tượng hơn cả là báo cáo do Sir Newbolt thực hiện năm 1921 mang tên: “Dạy tiếng Anh tại Anh”.

Báo cáo Newborn nhấn mạnh đến tiếng Anh trong tư cách là một môn học trung tâm của chương trình GD, gắn kết toàn bộ hệ thống chương trình, là “nền tảng của các môn còn lại”. Tất cả các hoạt động ngôn ngữ bằng tiếng mẹ đẻ được tích hợp trong môn tiếng Anh và được dạy giống như một môn nghệ thuật. Như vậy, tiếng Anh không chỉ bó hẹp trong phạm vi tiểu học mà đã mở rộng ra cả cấp trung học. Điều này khẳng định mạnh mẽ vai trò của tiếng Anh trong việc tái thiết quốc gia và đổi mới GD. Khuynh hướng ái quốc được thể hiện rất rõ: “Người dân Anh phải học tiếng Anh trên đại thể là để nhìn nhận ngôn ngữ của mình với niềm tôn trọng, để nuôi dưỡng tình cảm tự hào” (1921:22). Tác giả muốn xây dựng một thứ tiếng Anh thuần khiết, không bị “vấn đục” bởi những nhân tố ngoại cảnh. Bởi vậy, những cách dùng từ hay lỗi phát âm lệch chuẩn, mang tính địa phương, “đường phố” được xem là “thói quen xấu” và cần phải bị diệt tận gốc.

Tác giả cũng đề xuất việc thúc đẩy các kĩ năng ngôn ngữ mang tính sáng tạo của trẻ em. Cùng với đó là việc đề xuất học văn học ngay trong trường tiểu học, bởi lẽ, với tư cách là một nhà thơ, Newborn coi văn học như là một thành tố trung tâm để hiểu được di sản văn hoá của Anh. Ngoài ra, báo cáo còn khuyến cáo việc phát triển các hoạt động nói cho trẻ HS. Để nói đúng, cần phải dựa vào việc bắt chước, chữa lỗi ngay tức thì và dạy những quy tắc nói chuẩn mực. Đối với ngữ pháp, báo cáo cho rằng những cách dạy trong quá khứ là sai lầm vì đã hiểu sai các đặc trưng ngữ pháp và quá lụy vào các mô hình cổ điển của tiếng Latinh. Thay vào đó, phương châm dạy ngữ pháp phải “thật đơn giản”: đó là thứ *ngữ pháp chức năng* (1921: 292).

Những thay đổi sau khi bản báo cáo này ra được đánh giá là “diễn ra khá chậm chạp” (Wyse & Jones, 2008:7); nhưng những sự khởi sắc đầu tiên cũng bắt đầu xuất hiện. Chẳng hạn ở kĩ năng đọc: việc đọc to và đồng thanh dần biến mất. Trong khi đó, đọc thầm, đọc nhẩm được khuyến khích. Vào thập niên 1920, sách giáo khoa xuất bản đã khuyến khích những sự tự do thể hiện của HS. Tuy nhiên, ở phần viết, mặc dù báo cáo Newborn đã đưa ra những gợi ý tiến bộ nhưng trên thực tế, việc học viết vẫn là phải học ngữ pháp và sao chép các mẫu hay.

Tiếp sau báo cáo của Newborn, một ủy ban tư vấn khác trực thuộc Bộ GD được thành lập, đứng đầu là William Hadow. Trong vòng 10 năm, từ 1923-1933, Ủy ban này đã cho ra mắt 6 bản báo cáo, được biết đến với tên gọi “báo cáo Hadow” bàn về nền GD của Anh trong tất cả các bậc học.

Báo cáo Hadow nhấn mạnh đến hoạt động miệng, trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc nói “đúng”. HS phải nói về một chủ đề do các em hoặc giáo viên (GV) chọn. Hoạt động miệng cần ngắn gọn nhưng liên quan mật thiết đến sở thích của HS. Ngoài ra, HS phải biết hồi cố những vấn đề được học thông qua hoạt động “tái tạo”. Về phần đọc, báo cáo Hadow khuyến khích HS đọc thầm và xây dựng hệ thống thư viện tại lớp. Về phần viết, các bài viết của HS cần thiết phải dựa trên cơ sở của bài đọc miệng và HS cần được đưa cho những chủ đề mà chúng quan tâm. Việc học môn ngữ pháp hình thức khá trừu tượng bị bãi bỏ, mặc dù một số kiến thức ngữ pháp vẫn được dạy.

Hadow được xem như là báo cáo rất có giá trị đối với tiến trình phát triển của môn tiếng Anh trong nhà trường. Đặc biệt, *nguyên lí GD lấy trẻ em làm trung tâm xuất hiện rất nhiều trong những lời khuyến nghị của họ* “tiếp tục là định hướng cho việc giảng dạy ngôn ngữ trong 50 năm tiếp theo” (Wyse & Jones, 2008:10).

**2.3. Giai đoạn “tranh cãi”(1944 - 1988).** Năm 1944, Nghị viện Anh lại thông qua một bộ luật GD. Tuy nhiên, luật này không hề đề cập đến vấn đề nội dung của chương trình giảng dạy mà chỉ chú trọng vào các điều khoản nhằm tổ chức hệ thống các trường. Song, trên thực tế, sau khi Luật GD 1944 được ban hành, tiếng Anh đã có được một vị trí vững chắc trong các trường phổ thông.

Một cuộc tranh luận về chương trình dạy lại “nở” ra vào thập niên 1960 và rộ lên vào thập niên 1970. Người ta đặt dấu hỏi về vị trí cũng như chất lượng việc dạy và học tiếng Anh. Trong nghiên cứu của mình, Start và Wells (1972) [dẫn theo 8] chỉ ra rằng những trẻ em thuộc hộ nghèo có năng lực đọc thấp hơn so với những đứa trẻ trong các gia đình khá giả. Từ đó

tạo nên một mối nghi hoặc về chất lượng của việc xóa mù chữ trong nhà trường. Hệ quả là Bộ trưởng Bộ GD Anh Margaret Thatcher phải thành lập Ủy ban do Sir Alan Bullock dẫn đầu để khảo sát về các chuẩn xóa mù chữ và việc dạy tiếng Anh.

Bản báo cáo “Ngôn ngữ trong đời sống” (1975) ra đời trên cơ sở này, thường được biết đến với tên gọi báo cáo Bullock. Dựa trên các cuộc điều tra chi tiết trong các trường phổ thông, báo cáo chỉ ra một thực tế là thanh niên Anh khi làm việc không thể viết nổi các câu đúng ngữ pháp, viết sai chính tả nhiều và không thể hiện được điều mình cần nói.

Từ đó, báo cáo Bullock xác định *phát triển năng lực ngôn ngữ* của HS như là mục đích chính của môn tiếng Anh trong nhà trường. Ngôn ngữ được nhìn nhận với tư cách là một chiều kích quan trọng trong việc phát triển tư duy con người và bởi thế có vai trò trung tâm trong việc học tập của HS trong mọi môn học.

Báo cáo Bullock không ủng hộ một định nghĩa hẹp về việc học ngôn ngữ với tư cách là một phân kiến thức tĩnh, hoặc các quy tắc ngữ pháp. Do vậy, để tiếng Anh thực sự là một môn học hữu ích và có hiệu quả đối với HS, báo cáo cho rằng cần phải đặt môn học này trong các hoạt động tương tác: “Năng lực ngôn ngữ phát triển dần dần, thông qua tương tác viết, nói, đọc và trải nghiệm và việc dạy tốt nhất ảnh hưởng đến bản chất và chất lượng của sự phát triển” (chương 26).

Báo cáo này cũng kêu gọi đầu tư lớn cho việc nâng cao các kĩ năng ngôn ngữ học và nhận thức về ngôn ngữ học của cả GV lẫn HS. Bên cạnh đó là việc đề xuất về một cuộc điều tra kĩ càng nhằm xác định rõ môn tiếng Anh là gì, nên dạy thế nào và nội dung ra sao. Đây chính là tiền đề đưa tới việc hình thành một chương trình giảng dạy quốc gia cho môn học tiếng Anh sau đó.

Cuộc tổng tuyển cử năm 1979 tại Anh đánh dấu sự trở lại chính trường của Đảng Bảo thủ. Bà Thatcher, người đã từng là Bộ trưởng Bộ GD, trở thành Thủ tướng Anh. Từ đây, những thay đổi triệt để về chương trình giảng dạy bắt đầu diễn ra. Trước đó, các quyết định về việc chương trình học là trách nhiệm của các cấp GD ở địa phương chứ không tồn tại một chương trình giảng dạy chung áp dụng trong cả nước. Tuy nhiên, năm 1984, một loạt các tài liệu do Ủy ban Thanh tra của Nữ Hoàng (HMI) ấn hành dưới nhan đề chung là “Các vấn đề về chương trình giảng dạy”. Trong tập đầu tiên bàn về tiếng Anh, Ủy ban này đã thử xác định các phương hướng và mục tiêu khi thiết kế chương trình tiếng Anh cho HS từ độ tuổi 5-16. Mục tiêu của chương trình giảng dạy được xác định là phải hướng tới sự phát triển của cả nói, viết, đọc. Một mục tiêu nữa cũng được xác

định, đó là dạy HS về ngôn ngữ. Việc dạy ngôn ngữ này không thể tách rời khỏi bối cảnh sử dụng.

Báo cáo cũng cho rằng chính việc dạy ngôn ngữ này có thể tạo ra những bất đồng. Do vậy, sẽ không phải dễ dàng khi áp dụng một chương trình dạy và học thống nhất trên toàn quốc. Để tránh những bất đồng đó, HMI này khuyến nghị nên có một ủy ban điều tra về vấn đề này nhằm thu hẹp những ý kiến trái chiều trong việc dạy tiếng Anh và đưa ra những gợi ý cần thiết.

#### **2.4. Giai đoạn “khẳng định” (từ 1988 đến nay).**

Năm 1988, sau nhiều tranh cãi và chờ đợi, cuối cùng Luật Cải cách GD cũng được thông qua. Trong bộ luật này, lần đầu tiên khái niệm “tiếng Anh” với tư cách là một môn học trong nhà trường được nhắc tới trong một văn bản luật. Mặc dù khái niệm này chỉ xuất hiện một lần duy nhất nhưng nó lại rất quan trọng. Tiếng Anh chính thức được pháp luật Anh thừa nhận là một trong ba môn học nòng cốt (core subject), cùng với Toán và Khoa học. Đồng thời, Luật Cải cách GD cũng chính thức giới thiệu chương trình giảng dạy quốc gia (National Curriculum) với các mục tiêu cụ thể cần đạt được trong 4 giai đoạn chính.

Nhằm cụ thể hóa những tư tưởng trong Luật Cải cách GD 1988 và chương trình giảng dạy quốc gia, một nhóm công tác của Bộ GD và Khoa học đứng đầu là GS. Brian Cox được giao nhiệm vụ hoàn thiện một báo cáo tổng thể về môn tiếng Anh trong cả 4 giai đoạn học. Trong thời điểm còn khá nhiều tranh cãi về chương trình mới, cấu trúc nội dung môn tiếng Anh của Ủy ban Cox đã nhận được sự đồng thuận của hầu hết giới GV dạy tiếng Anh và cả giới học giả.

Trong chương trình giảng dạy do Ủy ban này đề xuất, tiếng Anh không được chia ra thành ngôn ngữ và văn học như báo cáo của HMI. Thay vào đó chương trình học tập gồm ba phân môn là Đọc, Viết và nói, Nghe. Mục tiêu của chương trình này là các kiến thức về ngôn ngữ nên được lồng trong việc đọc, viết, nghe và nói. Tính chất lồng ghép còn được thể hiện ở những mục đích khác nhau của tiếng Anh. Năm quan điểm về môn học này đã được xác định như sau:

- *Dis sản văn hóa*, theo đó HS được dẫn dắt để cảm thụ được những tác phẩm văn học được xem là xuất sắc nhất trong tiếng Anh.

- *Một quan điểm của người trưởng thành cần có*: tập trung vào những giao tiếp ngoài trường học: nhấn mạnh đến trách nhiệm của GV tiếng Anh trong việc chuẩn bị cho trẻ em những nhu cầu ngôn ngữ cần thiết cho cuộc sống của một người trưởng thành.

- *Phát triển cá nhân*, tập trung vào trẻ em: nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và việc học hành của một đứa trẻ, và vai trò của văn học trong việc phát triển đời sống tưởng tượng và thẩm mỹ.

- *Một quan điểm về chương trình giảng dạy giao thoa*: nghĩa là tất cả GV phải có trách nhiệm giúp trẻ em có đủ vốn ngôn ngữ cho các môn học khác trong chương trình.

*Một quan điểm phân tích văn hóa*, tức là nhấn mạnh vai trò tiếng Anh trong việc giúp trẻ hướng đến một sự hiểu biết về thế giới và môi trường văn hóa mà chúng đang sống.

Năm quan điểm này trong việc dạy tiếng Anh nhận được sự ủng hộ của rất nhiều người bởi lẽ nó phản ánh tầm quan trọng và tính chất đa dạng và thiết thực của môn học này. Poulsen (1998: 42) nhận xét rằng quan điểm di sản văn hóa phản ánh một niềm tin rằng nội dung của môn học đầu tiên là để xóa mù chữ, đồng thời cũng hướng đến việc giới thiệu các giá trị của truyền thống. Quan điểm người trưởng thành cần có là một việc hướng đến tương lai của HS, là một sự lập trình cho cuộc sống sau này. Quan điểm phát triển cá nhân lại nhấn mạnh đến tiềm năng phát triển, trong khi đó, quan điểm chương trình giảng dạy giao thoa cho thấy rằng chính ngôn ngữ được xem là môn học bao trùm, xuyên suốt và được xem là ưu tiên trong tổng thể chương trình. Cuối cùng, sự nhấn mạnh việc phân tích văn hóa đã khuyến khích HS tìm hiểu sâu hơn về những gì mình học được.

Ủy ban Cox đã thành công trong việc vô hiệu hóa hàng loạt các vấn đề gây mâu thuẫn. Kể từ khi ra đời cho đến hiện nay, báo cáo này vẫn được xem là kim chỉ nam cho việc dạy và học tiếng Anh trong các nhà trường phổ thông. Bên cạnh đó, cùng với chương trình giảng dạy là hàng loạt các đề án nhằm nâng cao các kĩ năng cụ thể cho HS như: *Chiến lược quốc gia về học chữ 1997-2011*, *Đề án quốc gia về học viết*, *Đề án quốc gia về hoạt động miệng*, *Đề án quốc gia về học chữ* lần lượt ra đời và duy trì hoạt động cho đến hiện nay.

### **3. Kết luận**

Có thể nói, với tư cách là một môn học trong trường phổ thông tại Anh, tiếng Anh có vị thế vững chắc và quan trọng. Nếu so sánh với các môn học khác trong chương trình thì tiếng Anh là một môn học còn mới. Nhưng lịch sử hình thành và quá trình phát triển nhanh chóng của môn học này đã cho thấy mối quan tâm của chính quyền cũng như người dân Anh về tiếng mẹ đẻ và việc dạy và học tiếng mẹ đẻ ngày một tăng lên. Từ chỗ tiếng Anh đứng ở hàng thứ yếu so với các tiếng nước ngoài khác như tiếng Pháp, tiếng Latinh cho đến khi xác lập được vị trí “nòng cốt” trong chương trình giảng dạy, đó là kết quả của một quá trình nhận thức tích cực, trân trọng những giá trị của dân tộc.

(Xem tiếp trang 293)

Qua *bảng 3* cho thấy: - Về nội dung tập luyện TDTT ngoại khóa: Thực trạng nội dung tập luyện TDTT ngoại khóa của SV không chuyên Trường ĐHSP - ĐHTN khá tản mạn. Số môn thể thao mà các em tham gia là khá nhiều (11 môn, chưa kể các môn thể thao khác), nhưng lại có sự chênh lệch đáng kể. Tuy nhiên, qua *bảng 3* ta thấy các được ưa thích và tập luyện nhiều nhất là: Khiêu vũ thể thao (chiếm tỉ lệ 78,37%); Aerobic (chiếm tỉ lệ 72,21%); Cầu lông (chiếm 53,72%); Võ thuật (chiếm 30,23%); - Về hình thức ngoại khóa TDTT: tập theo nhóm, lớp chiếm 43,26%; tự tập luyện chiếm 29,30%; Tập theo CLB chiếm 20,%; Tập luyện theo đội tuyển chiếm 19,07%; Tập luyện theo hình thức lớp năng khiếu chỉ chiếm 1,40%.

Như vậy, tập luyện theo hình thức nhóm, lớp vẫn chiếm ưu thế và đây là biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa TDTT mà SV hay tham gia tập luyện. Tập luyện theo CLB là hình thức mang lại hiệu quả cao nhất đối với sự phát triển thể chất của SV, nhưng hiện nay, hình thức này chưa thu hút được nhiều em tham gia tập luyện.

Khi tìm hiểu về nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức lớp năng khiếu thể thao có giáo viên hướng dẫn, câu lạc bộ thể thao thì được số SV đánh giá rất cao, số phiếu hỏi có nguyện vọng tham gia chiếm tỉ lệ đến 73,49%.

\*\*\*

Qua nghiên cứu thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của SV khối không chuyên Trường ĐHSP -

ĐHTN cho thấy: Đa số SV đều nhận thức được vai trò, tác dụng của tập luyện ngoại khóa các môn thể thao đến sức khỏe, nâng cao năng lực vận động, phục vụ học tập, đồng thời ham thích tập luyện các môn thể thao. Tuy nhiên, hiện nay, việc tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV trong nhà trường chưa được coi trọng, thiếu sự tổ chức hướng dẫn SV tập luyện, dẫn đến các hoạt động TDTT ngoại khóa của các em chủ yếu mang tính tự phát, đơn điệu và khá tản mạn.

Thực trạng trên đây là yếu tố quan trọng để đề tài tiến hành nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV khối không chuyên Trường ĐHSP - ĐHTN. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2001). *Quy chế giáo dục thể chất và thể thao trường học*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2008). *Quy định tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên* (ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ - BGDDT ngày 23/12/2008 của Bộ GD-ĐT).
- [3] Lê Trường Sơn Chấn Hải (2003). *Tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa các môn thể thao như một biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Giáo dục học.
- [4] Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn (2000). *Lí luận và Phương pháp thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.
- [5] Dương Nghiệp Chí (1983). *Đo lường thể thao*. NXB Thể dục thể thao.

## Tiến trình phát triển...

(Tiếp theo trang 287)

Song song với quá trình này là sự phát triển của chương trình giảng dạy môn tiếng Anh: một môn học hàn lâm, kinh viện và tĩnh tại dần biến mất và thế chỗ nó là một môn học gần gũi, thiết thực và cập nhật với cuộc sống thực tế. Chính bởi vậy, chương trình GD của Anh luôn được đánh giá cao cả về mục tiêu lẫn cách thức truyền tải. Trong thời đại hội nhập quốc tế, đây là một sự tham khảo tốt cho Việt Nam để hoàn thiện chương trình giảng dạy của mình. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Alderson, J.C. (2009). *The Politics of Language Education*, MULTILINGUAL MATTERS, Bristol Buffalo Toronto.
- [2] Board of Education (1921). *The Teaching of English in England (The Newbolt Report)*. London: HMSO.

- [3] Board of Education (1931). *The Primary School (The Second Hadow Report)*. London: HMSO.
- [4] Department of Education and Science (DES) (1975). *A Language for Life (The Bullock Report)*. London: HMSO.
- [5] Department of Education and Science and The Welsh Office (DES) (1989). *English for Ages 5-16 (The Cox Report)*. York: National Curriculum Council.
- [6] Department for Education and Employment (DfEE) (1998). *The National Literacy Strategy Framework for Teaching*, London: DfEE.
- [7] Lewis, A. (2002). *Primary Special Needs and the National Curriculum*, Routledge, Taylor & Francis Group, London and New York.
- [8] Poulson, L. (1998). *English Curriculum in Schools*. A&C Black.
- [9] Tulasiewicz, W. and Adams, A. (2005). *Teaching the Mother Tongue in a Multilingual Europe*, Continuum, New York.
- [10] Wyse, D. & Jones, R. (2008). *Teaching English, Language and Literacy*, (2<sup>nd</sup> edition), Routledge, Taylor & Francis Group, London and New York.